| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẨM PHẢ**<br>TỈNH QUẢNG NINH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 36/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 30/8/2017
*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Thoa**;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Văn Tơn**
2. Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

*Thư ký phiên toà:* Ông **Lê Đức Long** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên toà*: Bà **Phạm Bích Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2017 về việc ***"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXX-ST ngày 02/8/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 27 /2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8 /2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn***: Chị **Bùi Thị T**; sinh năm: 1976;

Nghề nghiệp: Công nhân

Nơi ĐKNKTT: Tổ A, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt tại phiên toà.

***2. Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Quang M**; sinh năm: 1971;

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi ĐKNKTT: Tổ A, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh - vắng mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Trong đơn xin ly hôn, lời tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Bùi Thị T đều trình bày***: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang M vào năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường C. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng hai năm. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ A, khu B, C, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chúng tôi bất đồng về quan điểm, cách sống, anh M là người mải chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Mặt khác anh M lại có mối quan hệ không lành mạnh ở bên ngoài, làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng cẳng thẳng, rạn nứt. Bản thân chị và gia đình cũng khuyên bảo, nhưng anh M không thay đổi, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2015 anh M đã tự ý đi ở chỗ khác, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, thỉnh thoảng anh M có về nhà nhưng vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Vì các con chị cũng đã cố gắng kéo dài thời gian để mong muốn anh M thay đổi, nhưng không được. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra nhiều lần cũng gia đình và khu phố hòa giải, nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang M.

***Về con chung***: Chị và anh M có hai con chung là Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 30/11/1996 đã thành niên và Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/6/2003. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy K, không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thu nhập bình quân của chị là 6.000.000đồng/tháng.

***Về tài sản chung***: Chúng tôi không có tài sản chung, công nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần xong anh M đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của người làm chứng tại nơi chị T và anh M cư trú đều thể hiện: Chị T và anh M sau khi kết hôn chung sống tại tổ A, khu B phường C. Năm 2009 anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh M chơi bời lô đề, cờ bạc, chị T cũng đã khuyên nhủ nhưng anh M không sửa đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Khi chị T có đơn xin ly hôn khu phố cũng tiến hành hòa giải nhưng anh M cố tình vắng mặt. Năm 2015 anh M đã tự ý đi ở chỗ khác, thỉnh thoảng có về nhà. Chị T và anh Minh có hai con chung là Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 30/11/1996 đã thành niên và Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/6/2003 hiện con chung Nguyễn Duy K đang ở cùng chị T, khi anh M đi ở chỗ khác chị T là người nuôi dưỡng, chăm sóc cho con về mọi mặt, hiện cháu K được học tập và phát triển tốt.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên toà phát biểu ý kiến***: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử , thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên Đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm. Bị đơn không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm .

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56,81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quang M là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Cửa Ông, do hai người cùng tự nguyện. Sau kết hôn hai người về chung sống tại tổ A, khu B, phường C. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh M chơi bời lô đề, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặt khác anh M có quan hệ không lành mạnh ở bên ngoài, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên bất hòa. Mâu thuẫn của chị T và anh M đã xảy ra nhiều lần, cũng đã được gia đình, khu phố hòa giải xong vợ chồng không khắc phục được. Anh M đã đi tự ý đi ở chỗ khác, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân nhau, thỉnh thoảng anh M mới về nhà, mâu thuẫn của vợ chồng đã xảy ra nhiều lần cũng đã được gia

đình, khu phố xác nhận và hòa giải xong không thành, chị T và anh M đã có thời gian ly thân nhau, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tại Tòa án chị T giữ nguyên quan điểm mâu thuẫn của vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh M không có mặt nên không rõ quan điểm của anh M về tình trạng hôn nhân của anh và chị T.

Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị T anh M phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ tại nơi cư trú. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Nguyễn Quang M.

***Về con chung***: Chị T và anh M có hai con chung là Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 30/11/1996, đã thành niên và Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/6/2003. Khi ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy K không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thu nhập bình quân của chị T là 6.000.000đồng/tháng. Con chung của chị T và anh M đủ tuổi lấy lời khai cháu K có quan điểm muốn được ở với mẹ. Xác minh tại địa phương hiện cháu K đang ở với chị T. Xét thấy chị T có việc làm, thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa anh M vắng mặt không rõ quan điểm của anh M về con chung. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh M nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy K, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

***Về tài sản chung***: Chị T và anh M không có tài sản chung, công nợ chung không có, nên tòa án không đề cập giải quyết.

***Về án phí***: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điều 28, Điều 35; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Bùi Thị T, chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quang M.

Giao cho chị Bùi Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/6/2003 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 24/5/2017 theo biên lai thu tiền số 0009478 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Q/N;
- VKSND thành phố C/P;
- CCTHADS thành phố C/P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS- VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**